TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **100**/2026/HNGĐ – ST

Ngày: 22/6/2026

V/v *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Hoàng Diệu.

– Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Phan .

– Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk: Ông Đào Anh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2026/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026; Theo định đưa vụ án ra xét xử số 92/2026/QĐXX – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" giữa:

– **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đình Quốc T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số nhà A, đường M, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

– **Bị đơn:** Bà Bùi Thị Hồng D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số nhà A, đường M, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tự khai nguyên đơn trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Quốc T (nguyên đơn) và bà Bùi Thị Hồng D (bị đơn) chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 05 tháng 01 năm 2018.

Trong thời gian đầu sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên những năm gần đây, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và lối sống, vợ chồng không còn tình cảm. Cả hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung khiến không khí gia đình luôn căng thẳng. Mặc dù cả hai đã cố gắng rất nhiều, để cuộc sống vợ chồng được hòa thuận êm ấm, để có một gia đình trọn vẹn nhưng không được nên hai ông bà đã sống ly thân. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình nghĩa vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2022, hiện cháu đang sống cùng nguyên đơn. Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng phía bị đơn bà Bùi Thị Hồng D vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của bà đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điều 6, Nghị quyết 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án:

Đề nghị HĐXX, chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Đình Quốc T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Quốc T được ly hôn với bà Bùi Thị Hồng D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2022 cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bị được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX căn cứ các 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn vắng mặt không có lý do, do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05 tháng 01 năm 2018 (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) là tự nguyện và đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia phiên tòa cũng như các buổi hòa giải đoàn tụ của Tòa án, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm, tháo gỡ mâu thuẫn.

HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2022, hiện đang sống cùng nguyên đơn.

HĐXX xét thấy, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Bị đơn không tham gia tố tụng và không thể hiện được thiện và quan điểm đối với việc nuôi dưỡng các con chung; Vì vậy, xét cháu Nguyễn Ngọc An N đang ở với nguyên đơn, nên cần giao cháu Nguyễn Ngọc An N cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi cho trẻ chưa thành niên. Bị đơn được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Bị đơn được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật nhân và đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là tự nguyện và phù hợp nên cần ghi nhận.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 5, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điều 6, Nghị quyết 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn ông Nguyễn Đình Quốc T được ly hôn với bị đơn bà Bùi Thị Hồng D.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2022 cho ông Nguyễn Đình Quốc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (hiện tại cháu đang ở với nguyên đơn).

Bà Bùi Thị Hồng D được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật nhân và đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình Quốc T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng nộp tại biên lai thu tiền số: 0001328 ngày 02/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
– *TAND* tỉnh Đắk Lắk;
– VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
– THADS tỉnh Đắk Lắk;
– Ủy ban nhân dân P. Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk (GCNKH số 108, ngày 05/11/2018);
– Các đương sự;
– Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH